

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 7 – 2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Khon;
- Ông Phan Thanh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Kim E có mặt; anh S vắng mặt, không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim E trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim E và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2007, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp). Trước khi kết hôn, anh chị tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Chị Kim E và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/3/2008 và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 18/5/2009. Hiện nay, Nguyễn Văn T đã thành niên, có khả năng lao động, còn cháu Nguyễn Trọng H đang sống với chị Kim E.

Thời gian đầu, chị Kim E và anh S chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2022, thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, do anh S không chung thủy, có tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác. Sau khi phát hiện, anh S hứa với chị sẽ chấm dứt mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng khoảng 02 đến 03 tháng sau thì anh S vẫn tiếp tục mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vì vậy, anh chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Từ khi anh chị ly thân đến nay, anh chị không có hàn gắn đoàn tụ. Hiện nay, chị Kim E không còn tình cảm vợ chồng với anh S.

Nay chị Nguyễn Thị Kim E yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim E yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Chị Kim E yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trọng H, sinh ngày 18/5/2009. Đối với con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/3/2008 đã thành niên, có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn S không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim E và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là ly hôn, tranh chấp nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Anh Nguyễn Văn S cư trú tại ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Anh S đã được Toà án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim E và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2007, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp). Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Kim E và anh S là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, chị Kim E trình bày trong thời gian chị Kim E và anh S chung sống với nhau anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh S có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và ly thân, chị Kim E không còn tình cảm vợ chồng với anh S, không còn muốn hàn gắn, đoàn tụ, chung sống với anh S; Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho anh S biết yêu cầu ly hôn của chị Kim E, nhưng anh S không có ý kiến gửi cho Toà án, cũng như không đến Toà án để hoà giải, hàn gắn với chị Kim E. Điều này chứng minh, chị Kim E và anh S đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, hôn nhân giữa chị Kim E và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim E đối với anh Nguyễn Văn S là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim E và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/3/2008 và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 18/5/2009. Xét thấy, chị Kim E yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Trọng H. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S không yêu cầu hay có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung. Mặt khác, cháu H đang sống cùng với chị Kim E, cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị Kim E. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của cháu, đảm bảo cho cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, tiếp tục giao cháu H cho chị Kim E được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/3/2008 đã thành niên, có khả năng lao động, chị Kim E không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Kim E không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, anh S không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Kim E trình bày chị Kim E và anh S không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh S. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được Toà án xem xét, giải quyết trong vụ án khác.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim E.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim E được ly hôn với anh Nguyễn Văn S (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp) số 95 ngày 05/6/2007).

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 18/5/2009 cho chị Nguyễn Thị Kim E được quyền trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Nguyễn Thị Kim E không yêu cầu.

Đối với Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/3/2008 đã thành niên, có khả năng lao động, nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002874 ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị Kim E đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 34, 36, 71, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 11 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Bạch Phiến